

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HSST

Ngày: 21/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Chúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Đình Bắc và bà Điều Thị Hương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều My

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 21/2019/HSST ngày 05 tháng 4 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Hoài Th, sinh năm: 2000; HKTT: Ấp Th Th, thị trấn T B, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn X, sinh năm 1972 và bà Trần Thị Cẩm Nh, sinh năm: 1980; HKTT: Ấp Th Th, thị trấn T B, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước; Bị cáo có 03 người em, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1989;

HKTT: Ấp T T, thị trấn T B, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;

2. Bà Lê Thị Thu H, sinh năm: 1980;

HKTT: Ấp 4, xã Th H, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;

3. Ông Bùi Văn H1, sinh năm: 1983;

HKTT: Ấp Th Th, thị trấn T B, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;

4. Bà Đỗ Thị Thu H2, sinh năm: 1983;

HKTT: Ấp Th Th, thị trấn T B, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;

5. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm: 1970;

HKTT: Ấp Th Th, thị trấn T B, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;

6. Ông Trần Minh Qu, sinh năm: 1999;

HKTT: ấp 1, xã Th H, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;

7. Ông Phạm Văn Tr, sinh năm: 1996;

HKTT: Ấp 4, xã Th H, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đặng Quốc D, sinh ngày: 10/8/2002;

HKTT: khu phố Th B, thị trấn Th B, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

2. Ông Lê văn H4, sinh năm: 1980;

HKTT: Ấp T T, thị trấn T B, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

3. Ông Đỗ Mạnh C, sinh năm: 1980;

HKTT: Ấp Th Th, thị trấn T B, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

4. Ông Phạm Văn Kh, sinh năm: 1981;

HKTT: 2B/1E, khu phố Đ A 2, phường B H, TX Thuận An, tỉnh Bình
Dương.

5. Bà Phạm Thị Phương Th, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Ấp 7, xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

6. Ông Trịnh Đình T, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: khu phố Th X, thị trấn Th B, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm: 1949;

Địa chỉ: ấp Th S, TT Th B, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;

2. Ông Trần Văn N, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Ấp T S, TT T B, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;

3. Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Ấp T T, TT Th B, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;

4. Ông Đinh Văn H6, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Ấp T T, TT Th B, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;

5. Ông Phạm Thanh Tr, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Ấp 3, xã Th H, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Người giám hộ cho Đặng Quốc D:

Ông Đặng Thanh B, sinh năm: 1966 và bà Đỗ Thị Mỹ V, sinh năm: 1967

Địa chỉ: KP Th B, TT Th B, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Anh D, bà V có mặt, những người còn lại vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 02/12/2018, Nguyễn Hoài Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đen (không rõ biển số) chở S (chưa rõ nhân thân lai lịch) đi từ nhà Th thuộc ấp Th Tr, thị trấn Th B, huyện Bù Đốp đến nhà ông M thuộc khu phố Th B, thị trấn Th B, huyện Bù Đốp để chơi game bắn cá. Khi đi ngang nhà bà Trần Thị H thuộc ấp Th S, thị trấn Th B S phát hiện thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen trắng, biển số 93G1-118.30 của chị Nguyễn Thị Th dừng trước sân nhà, không có người trông coi. S nảy sinh ý định lấy trộm và rủ Th thực hiện, S nói Th dừng xe để Sơn vào lấy trộm. Th điều khiển xe chạy chậm cho S nhảy xuống đi đến chỗ để xe mô tô 93G1-118.30 lấy xe và chạy về hướng khu phố Th B, thị trấn Th B. Lúc này Th dừng xe ở lề đường cách nhà bà H khoảng 20m đứng canh giới cho S, thấy vậy cũng điều khiển xe mô tô chạy theo sau. Chị Nguyễn Thị Th nghe tiếng động chạy ra sân thì phát hiện xe của mình đã bị mất nên gọi điện thoại báo cho chồng là anh Lê Văn H4 đang đi bắt cá ở khu vực Ngầm 6 thuộc xã H Ph, huyện Bù Đốp biết.

Đối với S và Th điều khiển xe trộm cắp được chạy về khu vực Bệnh xá quân dân y Trung đoàn 717 thuộc xã Th H, huyện Bù Đốp thì S giao xe 93G1-118.30 cho Th chạy vào Ngầm 06 thuộc ấp Ph T, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp để bán qua Campuchia. Khi Th điều khiển xe mô tô 93G1-118.30 tới khu vực Ngầm 06 thì bị anh Lê Văn H4 cùng các anh Nguyễn Minh T, Trần Văn N, Đinh Văn H6 phát hiện, đuổi theo nên Th vứt xe lại và bỏ trốn.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 13/2019/BKL - ĐGTS ngày 04/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đốp xác định giá trị xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen trắng, biển số 93G1-118.30, chất lượng sử dụng còn lại 50% là 10.950.000 đồng (mười triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hoài Th khai ngoài hành vi phạm tội nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 03/2/2018 đến tháng 8/2018 riêng Thanh thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, cùng với Đặng Quốc D thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cùng với đối tượng tên S thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất

Khoảng 01 giờ sáng ngày 03/02/2018, Nguyễn Hoài Th rủ Đặng Quốc D (sinh ngày 10/8/2002) đi trộm cắp tài sản. D điều khiển xe mô tô Wave (không rõ

biển số) màu đen chở Th đi đến khu vực Ấp 4, xã Th H, huyện Bù Đốp thì phát hiện thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu đỏ đen, biển số 93N2-2843 của chị Lê Thị Thu H dựng bên hông nhà, công không khóa. D đứng bên ngoài cánh giới, Th đi đến chỗ để xe dắt xe ra ngoài, rút dây điện và nổ máy chạy về nhà D ở khu phố Thanh B, thị trấn Th B, huyện Bù Đốp cất giấu. Khoảng 08 giờ cùng ngày, Th mang xe mô tô 93N2- 2843 đến khu vực Ngâm 6 bán cho một người đàn ông Campuchia (không rõ nhân thân lai lịch) được 4.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/2019/BKL - ĐGTS ngày 28/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đốp xác định giá trị xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu đỏ đen, biển số 93N2-2843, chất lượng sử dụng còn lại 15% là 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn).

Qua xác minh xe mô tô biển số 93N2-2843 là tài sản hợp pháp của chị Lê Thị Thu H, tuy nhiên do không thu hồi được nên chị H yêu cầu được bồi thường số tiền 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn).

2. Vụ thứ hai

Khoảng 01 giờ sáng ngày 08/3/2018, Nguyễn Hoài Th rủ Đặng Quốc D đi trộm cắp tài sản. Dùng điều khiển xe mô tô Wave (không rõ biển số), màu đen chở Thanh đi đến nhà anh Bùi Văn H1 thuộc Ấp Th Th, thị trấn T B, huyện Bù Đốp phát hiện bên hông nhà có một kho chứa đồ (bên trong kho có để xe mô tô). Dùng điều khiển xe mô tô đi vòng ra phía sau nhà và dựng xe ở lùm cây (cách nhà khoảng 300m). Cả hai đi bộ đến gần kho chứa đồ, D đứng bên ngoài cánh giới, Thanh dùng một mỏ lết, màu trắng, dài khoảng 40cm phá khóa cửa kho vào trong phát hiện thấy một xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airlade, màu vàng đen, biển số 93G1-121.82 và một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh trắng, biển số 93G1-083.79. Th đẩy hai xe mô tô trên ra ngoài, giấu xe 93G1-121.82 sau lùm cây rồi điều khiển xe 93G1-083.79 chạy vào Ngâm 06 bán cho một người đàn ông Camuchia (không rõ nhân thân lai lịch) được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Sau đó, D điều khiển xe Wave chở Th quay lại nhà anh Huy lấy xe 93G1-121.82 chạy vào Ngâm 06 bán cho một người đàn ông Camuchia (không rõ nhân thân lai lịch) được 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), Th chia cho D 2.000.000 đồng và đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/2019/BKL - ĐGTS ngày 28/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đốp xác định giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airlade, màu vàng đen, biển số 93G1-121.82 chất lượng sử dụng 60% là 24.954.000 đồng (hai mươi bốn triệu chín trăm năm mươi tư nghìn) và một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh trắng, biển số 93G1-083.79, chất lượng sử dụng 50% là 18.500.000 đồng (mười tám triệu năm trăm nghìn). Tổng giá trị tài sản là 43.454.000 đồng (bốn ba triệu bốn trăm năm bốn nghìn đồng).

Qua xác minh xe mô tô biển số 93G1-121.82 và xe mô tô biển số 93G1-083.79 là tài sản hợp pháp của chị Đỗ Thị Thu H2 và anh Bùi Văn H1. Tuy nhiên do không thu hồi được nên chị H2 và anh H1 yêu cầu bồi thường thiệt hại theo giá trị định giá.

3. Vụ thứ ba

Khoảng 01 giờ sáng ngày 21/3/2018, Nguyễn Hoài Th tiếp tục rủ Đặng Quốc D đi trộm cắp tài sản. Th điều khiển xe mô tô Wave (không rõ biển số) màu đen chở D đi đến khu vực Ấp Th Th, thị trấn T B, huyện Bù Đốp thì phát hiện một xe đạp điện, nhãn hiệu CAP-A, màu đỏ đen của chị Nguyễn Thị H dựng ở hiên nhà. D đứng bên ngoài cảnh giới, Th đi vào dùng một kim, màu đỏ, dài 25cm cắt lưới B40 rồi vào bên trong dắt xe đạp điện ra ngoài đem đi bán cho một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền này Th và D tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/2019/BKL - ĐGTS ngày 28/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đốp xác định giá trị một xe đạp điện, nhãn hiệu CAP-A, màu đỏ đen, chất lượng sử dụng 30% là 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn).

Qua xác minh xe đạp điện, nhãn hiệu CAP-A là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị H và có yêu cầu bồi thường 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn).

4. Vụ thứ tư

Khoảng tháng 4/2018, Nguyễn Hoài Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đen (không rõ biển số) chở S (chưa rõ nhân thân lai lịch) đi đến khu vực Ấp 3, xã Th H, Bù Đốp thì phát hiện thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng tím, biển số 93G1-164. 97 của anh Trần Minh Qu dựng bên hông nhà, không có người trông coi. Th đứng bên ngoài cảnh giới, S đi đến chỗ để xe, bẻ khóa và nổ máy chạy ra đường rồi cùng Th đem xe về Ngâm 6 bán cho một người đàn ông Campuchia (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), Sơn chia cho Th 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và cả hai đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/2019/BKL - ĐGTS ngày 28/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đốp xác định giá trị một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng tím, biển số 93G1-164. 97, chất lượng sử dụng 70% là 13.160.000 đồng (mười ba triệu một trăm sáu mươi nghìn).

Cơ quan điều tra không thu hồi được xe; qua xác minh xe mô tô biển số 93G1-164. 97 là tài sản hợp pháp của anh Trần Minh Qu. Tại CQĐT anh Qu yêu cầu bồi thường số tiền 13.160.000 đồng (mười ba triệu một trăm sáu mươi nghìn).

5. Vụ thứ năm

Khoảng 01 giờ sáng ngày 30/8/2018, Nguyễn Hoài Th đi bộ đến khu vực Ấp 4, xã Th H, huyện Bù Đốp thì phát hiện nhà anh Phạm Văn Tr không khóa cửa. Th mở cửa vào trong nhà lén lút lấy trộm một điện thoại Vivo loại V5 màu hồng và một xe mô tô nhãn hiệu Honda loại AirBlade, màu đỏ đen, biển số 61C1-318.46. Sau đó Th đem xe mô tô vào Ngầm 06 bán cho một người đàn ông Campuchia (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 7.000.000 đồng. Riêng điện thoại Vivo thì Th lấy sử dụng đến ngày 05/12/2018 thì giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 22/2019/BKL - ĐGTS ngày 28/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Đốp xác định giá trị một xe mô tô nhãn hiệu Honda loại AirBlade, màu đỏ đen, biển số 61C1-318.46, chất lượng sử dụng 40% là 17.200.000 đồng (mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng); một điện thoại Vivo loại V5, màu hồng, chất lượng sử dụng 40% là 1.996.000 đồng (một triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn). Tổng giá trị tài sản là 19.196.000 đồng (mười chín triệu một trăm chín mươi sáu nghìn).

Qua xác minh xe mô tô 61C-318.46 và điện thoại Vivo là tài sản hợp pháp của anh Phạm Văn Tr. CQĐT đã trả lại điện thoại cho anh Tr. Riêng xe mô tô không thu hồi được nên anh Tr yêu cầu bồi thường số tiền 17.200.000 đồng (mười bảy triệu hai trăm nghìn).

Ngoài ra Cơ quan điều tra còn xác định được ngày 01/3/2018, Nguyễn Hoài Th cùng Đặng Quốc D lấy trộm một xe mô tô nhãn hiệu Especial, màu đỏ, biển số 93H8-7640 của anh Trịnh Đình T đem bán cho một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng). Tuy nhiên qua định giá tài sản xác định giá trị còn lại xe mô tô của anh T là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) không đủ căn cứ khởi tố hình sự về tội trộm cắp tài sản. Ngày 05/3/2019 CQCSĐT Công an huyện Bù Đốp đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 06/QĐ-XPHC theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 15 Nghị định 167/2013/NĐ-Cp ngày 12/11/2013. Do không thu hồi được xe nên anh Toàn yêu cầu bồi thường số tiền 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn).

Cáo trạng số 20/CTr-VKS ngày 04/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện VKSND huyện Bù Đốp giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 3-4 năm tù; buộc bị cáo và Đặng Quốc D bồi thường thiệt hại cho các bị hại.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của vị đại diện VKSND huyện Bù Đốp đã công bố, xin được hưởng mức án nhẹ nhất

- Bị hại chưa nhận lại tài sản yêu cầu bồi thường theo giá trị định giá và đề nghị vắng mặt tại phiên tòa; bị hại đã nhận lại được tài sản không yêu cầu bồi thường và đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản không thu hồi được và đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

1. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và những người làm chứng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

2. Về nội dung vụ án: Vì mục đích kiếm tiền tiêu xài mà không phải lao động, Nguyễn Hoài Th đã cùng với Đặng Quốc D và đối tượng tên S (không rõ nhân thân) liên tiếp thực hiện 06 lần trộm cắp tài sản trong khoảng thời gian từ tháng 02/2018-12/2018.

Tại các biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã xác định tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 94.860.000 đồng. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do tài sản có giá trị 94.860.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “*chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng số 20/CTr-VKS ngày 04/4/2019 của VKSND huyện Bù Đốp và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với Nguyễn Hoài Th là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

3. Xét tính chất mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang cho dư luận xã hội. Trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo đã liên tiếp thực hiện trót lọt 06 lần trộm cắp tài sản, cá biệt có lần còn chiếm đoạt một lúc 02 xe mô-tô có

giá trị lớn, thể hiện thái độ rất xem thường pháp luật. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

4. Tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện 06 lần phạm tội, mỗi lần đều đủ giá trị cấu thành tội Trộm cắp tài sản và chưa lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Mặt khác, khi cùng bị cáo thực hiện tội phạm, Đặng Quốc Dũng chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng “xúi giục người chưa thành niên phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS.

5. Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

6. Về vật chứng:

- 01 xe mô-tô biển số 93G1-118.30 đã được Cơ quan điều tra thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là Bà Nguyễn Thị Th; 01 xe đạp điện, nhãn hiệu CAP-A là tài sản hợp pháp của Bà Nguyễn Thị H3, bà H3 đã nhận lại tài sản; 01 điện thoại Vivo là tài sản hợp pháp của anh Phạm Văn Tr đã được trả lại. Anh Tr, bà Th, bà H3 không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên HĐXX không xét.

- 01 xe mô-tô biển số 93N2-2843 là tài sản hợp pháp của chị Lê Thị Thu H, 02 xe mô-tô biển số 93G1-121.82 và xe mô-tô biển số 93G1-083.79 là tài sản hợp pháp của chị Đỗ Thị Thu H2 và anh Bùi Văn H1, 01 xe mô-tô biển số 93G1-164.97 là tài sản hợp pháp của anh Trần Minh Qu, các vật chứng trên không thu hồi được nên chị Hiền yêu cầu được bồi thường số tiền 4.800.000 đồng, chị H2 yêu cầu bồi thường 24.954.000 đồng, anh H1 yêu cầu bồi thường 18.500.000 đồng, anh Qu yêu cầu bồi thường 13.160.000 đồng

- 01 xe mô-tô 61C-318.46 là tài sản hợp pháp của anh Phạm Văn Tr không thu hồi được nên anh Tr yêu cầu bồi thường số tiền 17.200.000 đồng

- 01 xe mô-tô nhãn hiệu Especial, màu đỏ, biển số 93H8-7640 của Ông Trịnh Đình T không thu hồi được nên ông Toàn yêu cầu bồi thường 1.750.000 đồng.

- 01 xe mô-tô hiệu Wave (không rõ biển số), một kim màu đỏ, dài khoảng 25cm và một mỏ lết màu trắng, dài khoảng 40cm bị cáo dùng vào việc phạm tội không thu hồi được nên không xét.

7. Về trách nhiệm dân sự: Những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản không thu hồi được, cụ thể như sau:

- Bà Lê Thị Thu H yêu cầu bồi thường 4.800.000 đồng, ông Bùi Văn H1 yêu cầu bồi thường 18.500.000 đồng; bà Đỗ Thị Thu H2 yêu cầu bồi thường 24.954.000 đồng. Những lần phạm tội này do bị cáo Th và Đặng Quốc D cùng nhau thực hiện nên cả hai phải có nghĩa vụ bồi thường cho những bị hại, cụ thể bị cáo và D bồi thường $\frac{1}{2}$ thiệt hại như sau: bà Hiền 2.400.000 đồng/người; bà H2 12.477.000 đồng/người; ông H1 9.250.000 đồng/người. Do Đặng Quốc D là người

chưa thành niên, không có tài sản nên cha mẹ ruột của D là Ông Đặng Thanh B và bà Đỗ Thị Mỹ V có nghĩa vụ liên đới bồi thường thay con mình.

- Anh Phạm Văn Tr yêu cầu bồi thường 17.200.000 đồng do xe mô-tô không thu hồi được. Lần phạm tội này do một mình bị cáo thực hiện nên bị cáo có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ số tiền này cho anh Tr.

- Anh Trần Minh Qu yêu cầu bồi thường 13.160.000 đồng do tài sản không thu hồi được, lần phạm tội này bị cáo khai do bị cáo và đối tượng tên S (không rõ nhân thân) thực hiện. Hiện nay chưa xác định được đối tượng S nên bị cáo có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ số tiền này cho anh Qu, khi nào xác định và xử lý đối tượng S, Tòa án sẽ giải quyết việc chia nghĩa vụ bồi thường trong một vụ án khác nếu bị cáo có yêu cầu.

- Ông Trịnh Đình T yêu cầu bồi thường số tiền 1.750.000 đồng, lần trộm cắp tài sản này tuy không đủ giá trị khởi tố nhưng bị cáo và Đặng Quốc D vẫn phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Toàn, cụ thể là 875.000 đồng/người. Do Đặng Quốc D là người chưa thành niên, không có tài sản nên cha mẹ ruột của D là Ông Đặng Thanh B và bà Đỗ Thị Mỹ V có nghĩa vụ liên đới bồi thường thay con mình.

- Bị hại Nguyễn Thị Th và Nguyễn Thị H đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Đối với Đặng Quốc D, sinh ngày 10/8/2002 là đồng phạm với bị cáo Nguyễn Hoài Th 03 lần thực hiện tội phạm nhưng thời điểm thực hiện hành vi phạm tội D chưa đủ 16 tuổi, hành vi phạm tội là tội phạm nghiêm trọng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự về tuổi chịu trách nhiệm hình sự thì Đặng Quốc D không phải chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy CQCSĐT Công an huyện Bù Đốp quyết định xử phạt hành chính là có căn cứ.

Đối với đối tượng tên S hiện chưa rõ nhân thân lai lịch, CQCSĐT Công an huyện Bù Đốp tách ra điều tra làm rõ xử lý sau là có cơ sở.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

8. Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Nguyễn Hoài Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Nguyễn Hoài Th 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 10/12/2018).

2. Về trách nhiệm dân sự

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 586, 587, 589 Bộ luật dân sự, tuyên:

Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau: bà Lê Thị Thu H 2.400.000 đồng; bà Đỗ Thị Thu H2 12.477.000 đồng; ông Bùi Văn H1 9.250.000 đồng; ông Phạm Văn Tr 17.200.000 đồng; Ông Trần Minh Qu 13.160.000 đồng; Ông Trịnh Đình T 875.000 đồng.

Buộc người đại diện hợp pháp của Đặng Quốc D (Ông Đặng Thanh B và bà Đỗ Thị Mỹ V) có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau: bà Lê Thị Thu H 2.400.000 đồng; bà Đỗ Thị Thu H2 12.477.000 đồng; ông Bùi Văn H1 9.250.000 đồng; Ông Trịnh Đình T 875.000 đồng.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.768.1000 đồng án phí DSST

Ông Đặng Thanh B và bà Đỗ Thị Mỹ V phải liên đới nộp 1.206.394 đồng án phí DSST

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Bù Đốp
- Chi cục THADS huyện Bù Đốp;
- Công an huyện Bù Đốp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Thị Chúc